

Số: 1196 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-BTP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Đề nghị Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Luật

gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện Quyết định này./. *l*

Nơi nhận:

- Như Điều 3, 4 (để thực hiện);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng TTCP Phạm Bình Minh (để báo cáo);
- Bộ trưởng Lê Thành Long (để báo cáo);
- Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam; Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tịnh

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

(Kèm theo Quyết định số 1196/QĐ-BTP

ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả đạt được, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL).

1.2. Nhận diện những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, khoảng trống (nếu có) nhằm đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật PBGDPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Luật PBGDPL trong thời gian tới.

1.3. Phát hiện, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Yêu cầu

2.1. Việc tổng kết Luật PBGDPL phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, thực chất, toàn diện từ trung ương đến địa phương; đảm bảo đúng mục đích và tiến độ đề ra, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, bám sát các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2216/QĐ-BTP ngày 30/7/2012 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Luật.

2.2. Bám sát Đề cương tổng kết, kèm theo số liệu chứng minh cụ thể; chú trọng phân tích tồn tại, hạn chế, vướng mắc của Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có) và đề xuất giải pháp cụ thể.

2.3. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổng kết các văn bản, phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp trong hướng dẫn, chỉ đạo việc tổng kết.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi, nội dung tổng kết

1.1. Phạm vi tổng kết:

a) Việc tổng kết được thực hiện trên phạm vi toàn quốc, tại tất cả các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.

b) Mốc thời gian thông tin, số liệu tổng kết: Tính từ tháng 01/2013 đến hết tháng 6/2022.

1.2. Nội dung tổng kết: Theo Đề cương Báo cáo tổng kết thực hiện Luật PBGDPL và các biểu mẫu thống kê kèm theo Kế hoạch này (Phụ lục I và II của Kế hoạch).

2. Hình thức tổng kết

2.1. Căn cứ tình hình thực tế, điều kiện cụ thể, bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và các địa phương chủ động lựa chọn hình thức tổ chức tổng kết thực hiện Luật PBGDPL phù hợp.

2.2. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức tổng kết thực hiện Luật PBGDPL bằng hình thức phù hợp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI VIỆC TỔNG KẾT

1. Tổ chức kiểm tra kết quả triển khai Luật PBGDPL gắn với các Đoàn kiểm tra của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương

1.1. Chủ trì thực hiện: Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp.

1.2. Phối hợp thực hiện: Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

1.3. Thời gian thực hiện: Quý II, III/2022.

1.4. Sản phẩm: Các đoàn kiểm tra được tổ chức; báo cáo kết quả kiểm tra.

2. Tổ chức các hoạt động truyền thông về kết quả tổ chức thực hiện các văn bản

2.1. Xây dựng, đăng tải các tin bài, phóng sự; phát hành sản phẩm truyền thông về kết quả thực hiện Luật PBGDPL trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL của Bộ Tư pháp (hoặc Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia sau khi được vận hành), Cổng/Trang Thông tin điện tử của bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.

a) Chủ trì thực hiện: Vụ PBGDPL, Văn phòng (Bộ Tư pháp); Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Phối hợp thực hiện: Báo Pháp luật Việt Nam, Cục Công nghệ thông tin, cơ quan báo chí ở trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Quý III, IV/2022.

d) Sản phẩm: Các tin, bài, phóng sự, sản phẩm truyền thông được đăng tải, phát hành.

2.2. Tổ chức sưu tầm, cung cấp tài liệu PBGDPL, phóng sự, băng, đĩa, video clip, tư liệu, hình ảnh... phục vụ công tác PBGDPL trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL. Các thông tin, tư liệu sưu tầm bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn về hình ảnh và âm thanh để có thể sử dụng vào việc sản xuất các chương trình phát thanh - truyền hình (theo tiêu chuẩn HD). Chú trọng thông tin về những sáng kiến, mô hình, cách làm hay, hiệu quả, những tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong công tác này.

a) Chủ trì thực hiện: Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Thời gian thực hiện: Đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (qua Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, đồng chí Đỗ Thị Nhẫn, email: nhando.hlu@gmail.com) **trước ngày 15/8/2022.**

c) Sản phẩm: Tài liệu PBGDPL, phóng sự, băng, đĩa, video clip, tư liệu, hình ảnh... được gửi về Vụ PBGDPL.

2.3. Xây dựng phóng sự tổng kết 10 năm thực hiện Luật PBGDPL gắn với tổng kết 10 năm tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Chủ trì thực hiện: Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp.

b) Phối hợp thực hiện: Văn phòng Bộ Tư pháp; Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Tháng 8 - 10/2022.

d) Sản phẩm: Phóng sự tổng kết được xây dựng.

3. Tổ chức Hội thảo nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất hoàn thiện thể chế về công tác PBGDPL

3.1. Chủ trì thực hiện: Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp.

3.2. Phối hợp thực hiện: Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác PBGDPL của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3.3. Thời gian thực hiện: Quý II, III/2022.

3.4. Sản phẩm: Hội thảo được tổ chức.

4. Xây dựng dự thảo các báo cáo tổng kết

4.1. Xây dựng báo cáo tổng kết của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương

a) Chủ trì thực hiện: Các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương chủ động hướng dẫn và xây dựng báo cáo tổng kết thực hiện Luật PBGDPL (*đề nghị cập nhật, bổ sung các thông tin, số liệu trong phần Phụ lục theo mốc thời gian quy định tại điểm b Mục II.1.1 của Kế hoạch này. Các thông tin, số liệu đã có trong các báo cáo tổng kết về công tác PBGDPL, gồm: Báo cáo tổng kết việc thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017 - 2021; Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW sẽ được Bộ Tư pháp chủ động tổng hợp trong Báo cáo tổng kết toàn quốc*).

b) Thời gian hoàn thành: Đề nghị gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp (qua Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật) và email: thanhlc@moj.gov.vn **trước ngày 30/8/2022**.

c) Sản phẩm: Báo cáo tổng kết các văn bản.

4.2. Xây dựng Báo cáo toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Luật PBGDPL

a) Chủ trì thực hiện: Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp.

b) Phối hợp thực hiện: Văn phòng Bộ, Cục Công nghệ thông tin, một số đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

c) Thời gian hoàn thành: Tháng 10/2022.

d) Sản phẩm: Báo cáo tổng kết được ký ban hành.

5. Tổ chức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL

5.1. Chủ trì thực hiện: Vụ Thi đua khen thưởng, Bộ Tư pháp.

5.2. Phối hợp thực hiện: Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5.3. Thời gian hoàn thành: Tháng 10/2022.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Bộ Tư pháp

a) Vụ PBGDPL, Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị đầu mối của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương; các đơn vị có liên quan thuộc Bộ triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu, giúp Lãnh đạo Bộ Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức các hoạt động tổng kết; kịp thời

báo cáo về khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

b) Các đơn vị thuộc Bộ chủ động triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công theo Kế hoạch này; chủ động bố trí hoặc lập dự toán kinh phí gửi Văn phòng Bộ theo quy định để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

c) Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì, phối hợp với Vụ PBGDPL và các đơn vị thuộc Bộ có liên quan tham mưu, xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam.

1.2. Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương thực hiện các nhiệm vụ (quy định tại mục III của Kế hoạch) bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện

Kinh phí phục vụ hoạt động tổ chức tổng kết thực hiện Luật PBGDPL tại các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương được lấy từ nguồn kinh phí thường xuyên năm 2022 của cơ quan, đơn vị dành cho công tác PBGDPL và các nguồn hỗ trợ khác (nếu có).

Kinh phí phục vụ các hoạt động tổng kết Luật PBGDPL của Bộ Tư pháp được bố trí trong kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương và các nhiệm vụ đặc thù trong công tác PBGDPL của Bộ Tư pháp năm 2022 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác (nếu có).

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để được hướng dẫn, giải đáp (Phòng Quản lý công tác PBGDPL, Vụ PBGDPL: điện thoại: 024.62739480)/.

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN
LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 1196 /QĐ-BTP ngày 20 / 5 /2022 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT PBGDPL

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác PBGDPL

a) Việc ban hành văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật (văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt).

b) Tình hình quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến các đối tượng liên quan.

c) Hoạt động hướng dẫn, chỉ đạo những vấn đề mới, nóng, dư luận xã hội quan tâm; hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ; công tác kiểm tra, giám sát; công tác thi đua, khen thưởng; việc thực hiện trách nhiệm của bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương theo quy định của Luật PBGDPL.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL và thành viên Hội đồng

3. Kết quả triển khai hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

4. Kết quả tổ chức các hoạt động PBGDPL

a) Nội dung PBGDPL:

Nêu rõ kết quả PBGDPL theo các nội dung quy định tại Điều 10 Luật PBGDPL; số lượng văn bản được PBGDPL.

b) Hình thức PBGDPL:

- Nêu rõ kết quả triển khai thực hiện trên thực tế các hình thức PBGDPL quy định tại Điều 11 Luật PBGDPL (đối với từng hình thức, đề nghị nêu rõ tình hình thực hiện thường xuyên hay không thường xuyên; tính khả thi, phù hợp, hiệu quả áp dụng từng hình thức; thống kê số liệu cụ thể việc thực hiện tại Phụ lục 2);

- Nêu rõ các mô hình mới, cách làm hiệu quả, sáng tạo được áp dụng.

c) Kết quả triển khai PBGDPL cho đối tượng đặc thù quy định tại Mục 2 Chương II Luật PBGDPL.

Tập trung nêu rõ các nội dung, hình thức PBGDPL đã được áp dụng, các hoạt động PBGDPL cụ thể được triển khai đối với từng đối tượng đặc thù; từ đó phân tích những chuyển biến về hành vi, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của các đối tượng này sau khi được PBGDPL. Đồng thời làm rõ trách nhiệm của các

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện trách nhiệm PBGDPL cho đối tượng đặc thù.

5. Triển khai công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường: Nêu kết quả triển khai các hoạt động phối hợp xây dựng các giáo trình, giáo cụ trong chương trình tại từng cấp học (giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học); việc chuẩn hóa, xây dựng đội ngũ giáo viên; giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

6. Triển khai các Chương trình, Đề án về PBGDPL: Nêu rõ các chương trình, đề án về PBGDPL mà bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương đang triển khai; hiệu quả của việc thực hiện các chương trình, đề án về PBGDPL.

7. Bố trí nguồn lực cho tổ chức thực hiện Luật PBGDPL

a) Về củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ quản lý nhà nước về PBGDPL.

b) Xây dựng, quản lý, sử dụng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và thuộc phạm vi quản lý.

c) Về kinh phí cho công tác PBGDPL: Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước thường xuyên hàng năm bố trí cho công tác PBGDPL và kinh phí triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ về PBGDPL do bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương đang chủ trì thực hiện. Đánh giá rõ mức độ bố trí kinh phí theo hàng năm (tăng hoặc giảm) từ khi có Luật PBGDPL đến nay.

d) Huy động nguồn lực xã hội cho công tác PBGDPL: Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội (con người và kinh phí) triển khai công tác PBGDPL tại bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; mức kinh phí huy động được.

8. Việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong PBGDPL

Đánh giá chính xác việc thực hiện trách nhiệm của các chủ thể cụ thể thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật PBGDPL (thực hiện đầy đủ chưa? Mức độ thực hiện như thế nào, có hiệu quả hay không?).

9. Đánh giá về những tác động cụ thể của việc thực hiện Luật PBGDPL: Đánh giá tác động trong việc nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật; tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN LUẬT VÀ NGUYÊN NHÂN; BẤT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PBGDPL (NẾU CÓ)

1. Tập trung đánh giá tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện Luật trên thực tế; bất cập trong các quy định của Luật PBGDPL (nếu có), trong đó tập trung vào một số nhóm vấn đề sau:

a) Các quy định chung trong công tác PBGDPL (phạm vi điều chỉnh; chính sách, nguyên tắc về PBGDPL; nội dung quản lý nhà nước về PBGDPL; những hành vi bị cấm).

b) Xã hội hóa trong công tác PBGDPL.

c) Hội đồng phối hợp PBGDPL.

d) Ngày Pháp luật Việt Nam.

đ) Nội dung và hình thức PBGDPL.

e) PBGDPL cho đối tượng đặc thù.

g) Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

h) Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong PBGDPL.

i) Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở.

k) Điều kiện bảo đảm cho công tác PBGDPL.

l) Vấn đề khác (nếu có).

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân từ thực tiễn thực hiện Luật (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan).

b) Nguyên nhân từ các quy định của Luật.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị về sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành (nếu có).

2. Kiến nghị về các biện pháp tổ chức thi hành Luật.

Phụ lục II
BIỂU MẪU PHỤC VỤ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN
LUẬT PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 1196 /QĐ-BTP ngày 20 / 5 /2022 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp)

1. Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật

STT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các loại văn bản hành chính							Ghi chú
		Chỉ thị	Kết luận/Thông báo	Chương trình	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/Hướng dẫn	Văn bản khác	
	Ghi rõ tên loại văn bản, số, ký hiệu và trích yếu								
	Tổng số								

2. Danh mục các chương trình, đề án về PBGDPL đang được triển khai

STT	Năm ban hành	Cơ quan chủ trì thực hiện	Tên đề án	Số/ngày/tháng/năm ban hành	Cơ quan phối hợp	Cấp trình/ban hành

3. Hội đồng phối hợp PBGDPL

STT	Văn bản kiện toàn Hội đồng theo Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg (Số, ngày tháng)	Chủ tịch Hội đồng (nêu rõ chức danh lãnh đạo tham gia)	Số lượng thành viên	Thành phần tham gia (có theo thành phần của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương không? Bổ sung thành phần nào)	Kinh phí hoạt động của Hội đồng

4. Thống kê số lượng báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật hiện có

4.1. Ở trung ương

STT	Số lượng BCVPL hiện tại	Định kỳ rà soát, kiện toàn BCVPL của cơ quan		Đánh giá việc tham gia hoạt động PBGDPL của BCVPL hàng năm			
		Hàng năm	Theo giai đoạn	Hiệu quả	Tương đối hiệu quả	Không hiệu quả	Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL

4.2. Ở địa phương

STT	Việc định kỳ rà soát: hàng năm/ theo giai đoạn	Báo cáo viên cấp tỉnh			Báo cáo viên cấp huyện			Tuyên truyền viên			
		Số lượng	Số lượng BCV PL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng BCV PL là người dân tộc thiểu số	Đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có báo cáo viên không tham gia hoạt động PBGDPL	Số lượng	Số lượng TTVPL là người dân tộc thiểu số, già làng, trưởng bản	Số lượng TTVPL L là luật gia, luật sư	Đánh giá hiệu quả hoạt động của TTVPL theo các mức: Hiệu quả/Tương đối hiệu quả/Không hiệu quả/Có tuyên truyền viên không tham gia hoạt động PBGDPL

5. Thống kê kết quả hoạt động PBGDPL

Hình thức PBGDPL có hiệu quả đang triển khai thực hiện	Việc xây dựng, vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử PBGDPL		Số lượng trung bình tin, bài PBGDPL hàng năm được cập nhật trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương	Số tài liệu PBGDPL được phát hành trung bình hàng năm		Thống kê Chuyên trang, chuyên mục về pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng (dề nghị nêu rõ số lượng, tên chuyên trang, chuyên mục trên báo viết, báo điện tử, kênh sóng phát thanh, truyền hình)	Số lượng các văn bản, tài liệu được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số
	Đã xây dựng	Chưa xây dựng		Tổng số	Trong đó: Số lượng tài liệu đăng tải trên Internet		

6. Thống kê mô hình/biện pháp PBGDPL hiệu quả (Nếu có)

Giai đoạn	Tên mô hình/biện pháp	Đối tượng áp dụng mô hình/biện pháp PBGDPL	Lĩnh vực, nội dung pháp luật áp dụng	Chủ thể tổ chức PBGDPL	Mô tả khái quát cách thức thực hiện PBGDPL cụ thể	Nguồn lực bảo đảm		Việc đánh giá, giám sát, rút kinh nghiệm
						Kinh phí thực hiện (hàng năm hoặc theo hoạt động)	Người thực hiện trực tiếp (là ai, số lượng tham gia)	